



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Chi nhánh Công ty Cổ phần dinh dưỡng Nutricare

Nhà máy 1: Lô VII.2 và Nhà máy 2: Lô V.11, Lô V.12, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Thanh Khương, Thị xã Thuận Thành
Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Mã số PO của khách hàng : X4GD2506060070-HN

Mã số mẫu : 743-2025-00098333

Tên mẫu : Thực phẩm bổ sung Sản phẩm dinh dưỡng Smarta Mom hương Việt quất
Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong bao bì kín
Ngày nhận mẫu : 06/06/2025 Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 13/06/2025
Thời gian thử nghiệm : 06/06/2025 - 13/06/2025

| STT | CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM | ĐƠN VỊ | PHƯƠNG PHÁP THỬ | KẾT QUẢ |
|-----|--|--------|---|--------------------------------|
| 1 | VW020 VW (a) <i>Salmonella spp.</i> | /25 g | ISO 6579-1:2017/Amd.1:2020 | Không phát hiện |
| 2 | VW041 VW (a) <i>Listeria monocytogenes</i> | cfu/ g | ISO 11290-2:2017 | Không phát hiện (LOD=10) |
| 3 | VW017 VW (a) <i>Enterobacteriaceae</i> | cfu/ g | ISO 21528-2:2017 | Không phát hiện (LOD=10) |
| 4 | VW031 VW (a) <i>Staphylococci dương tính với coagulase</i> | cfu/ g | ISO 6888-1:2021/ Amd 1:2023 | Không phát hiện (LOD=10) |
| 5 | VDKCC VD Aflatoxin M1 | µg/ kg | EVN-R-RD-1-TP-5628 (Ref. ISO 14501:2007) | Không phát hiện (LOD=0.02) |
| 6 | VD020 VD (a) Melamine | mg/ kg | EVN-R-RD-1-TP-5633 (GC-MS) | Không phát hiện (LOD=0.05) |
| 7 | VW071 VW (a) Arsen (As) | mg/ kg | AOAC 2015.01 | Không phát hiện (LOD=0.01) |
| 8 | VW072 VW (a) Chì (Pb) | mg/ kg | AOAC 2015.01 | Không phát hiện (LOD=0.017) |
| 9 | VW073 VW (a) Cadimi (Cd) | mg/ kg | AOAC 2015.01 | Không phát hiện (LOD=0.01) |
| 10 | VW074 VW (a) Thủy ngân (Hg) | mg/ kg | AOAC 2015.01 | Không phát hiện (LOD=0.007) |
| 11 | VW021 VW (a) Thiếc (Sn) | mg/ kg | N79-R-RD1-TP-16655 (Tham khảo AOAC 2015.01) | Không phát hiện (LOD=0.03) |

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Ký tên

Trần Thị Mỹ Dung
Giám Đốc Chi Nhánh Miền Bắc



Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Trần Thị Mỹ Dung 19/06/2025, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 19/06/2025.



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ghi chú giải thích

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thoả thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thoả thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sac-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kiem-chung-ve-cung-cap-dich-vu/.

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Ký Hải Đăng xây dựng.

Tất cả các phương pháp (như AOAC, phương pháp nội bộ,...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.

Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sắc Ký Hải Đăng.

(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.